

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VĂN PHÚ - INVEST

Số 177 Phố Trung Kính- Phường Yên Hoà – Quận Cầu Giấy- Hà Nội



MST: 0102702590

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
QUÝ IV/2017**

Hà Nội, tháng 1/2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Quý IV/2017

TÀI SẢN	Mã số	TM	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2017	01/01/2017
A/ TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2,586,793,285,441	2,334,955,688,812
I/ Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	325,678,854,884	106,384,700,676
1. Tiền	111		225,678,854,884	38,384,700,676
2. Các khoản tương đương tiền	112		100,000,000,000	68,000,000,000
II/ Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		22,200,000,000	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.08	22,200,000,000	-
III/ Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1,052,138,872,856	1,002,515,092,238
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	801,444,278,978	893,307,972,897
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	31,508,730,321	38,873,781,189
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.04	11,200,000,000	10,200,000,000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05	208,238,332,064	60,385,806,659
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(252,468,507)	(252,468,507)
IV/ Hàng tồn kho	140		1,138,843,062,890	1,162,262,242,052
1. Hàng tồn kho	141	V.06	1,138,843,062,890	1,162,262,242,052
V/ Tài sản ngắn hạn khác	150		47,932,494,811	63,793,653,846
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		82,057,494	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		47,639,124,078	63,708,574,040
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	V.14	211,313,239	85,079,806
B/ TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1,148,377,929,999	374,394,216,626
I/ Các khoản phải thu dài hạn	210		490,002,939,575	114,752,022,000
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.04	-	1,825,000,000
2. Phải thu dài hạn khác	216	V.05	490,002,939,575	112,927,022,000
II/ Tài sản cố định	220		8,728,313,318	13,074,471,331
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	8,728,313,318	13,074,471,331
- Nguyên giá	222		13,547,441,216	20,455,511,419
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4,819,127,898)	(7,381,040,088)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	171,250,000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	(171,250,000)
III/ Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV/ Tài sản dở dang dài hạn	240		143,241,540,070	39,576,448,077
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	V.06	45,302,288,093	39,576,448,077
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		97,939,251,977	-
V/ Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.08	503,488,003,099	205,612,870,977
0. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		486,923,003,099	189,047,870,977
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		16,565,000,000	16,565,000,000
VI/ Tài sản dài hạn khác	260		2,917,133,937	1,378,404,241
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		2,917,133,937	1,378,404,241
VII/ Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		3,735,171,215,440	2,709,349,905,438



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Quý IV/2017

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2017	01/01/2017
C/ NỢ PHẢI TRẢ	300		1,698,096,100,983	2,357,514,315,745
I/ Nợ ngắn hạn	310		1,377,653,519,244	1,910,172,171,313
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	132,271,728,977	232,156,264,381
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1,259,762,493	1,965,606,017
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	77,493,061,063	40,435,600,289
4. Phải trả người lao động	314		4,436,464,208	1,566,470,961
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.11	492,106,626,400	688,072,340,420
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.12	-	301,450,097,475
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	336,569,701,429	96,814,789,342
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.09	333,924,417,620	547,520,192,225
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		(408,242,946)	190,810,203
II/ Nợ dài hạn	330		320,442,581,739	447,342,144,432
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.13	41,434,492,714	387,918,636,432
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.09	279,008,089,025	59,423,508,000
D/ VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2,037,075,114,456	351,835,589,693
I/ Vốn chủ sở hữu	410	V.15	2,037,075,114,456	351,835,589,693
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1,600,000,000,000	262,200,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1,600,000,000,000	262,200,000,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1,674	1,678
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		15,177,859,740	15,177,859,740
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		7,588,929,869	7,613,245,707
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		221,458,890,411	42,754,334,268
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(19,453,898,288)	24,858,446,224
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		240,912,788,699	17,895,888,044
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		192,849,432,763	24,090,148,300
II/ Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		3,735,171,215,440	2,709,349,905,438



Tô Như Toàn
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 17 tháng 1 năm 2018

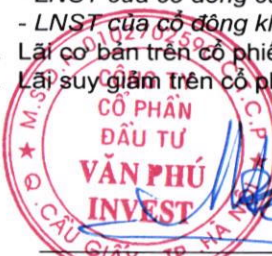
Đỗ Thị Thanh Phương
Kế toán trưởng

Trần Mỹ Yên
Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý IV/2017

Chỉ tiêu	Mã số	TM	Quý IV/2017		Đơn vị tính: VND Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	VI.01	208,153,525,787	669,811,288,008	875,449,367,753	773,730,795,380
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			1,626,530,304		1,626,530,304
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		208,153,525,787	668,184,757,704	875,449,367,753	772,104,265,076
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	119,965,950,259	609,020,208,731	418,532,717,276	672,176,422,868
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		88,187,575,527	59,164,548,973	456,916,650,477	99,927,842,208
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	75,255,529,937	18,984,336	75,629,968,248	2,058,095,413
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	3,083,895,521	(3,414,453,059)	26,624,351,738	19,261,213,689
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		3,083,895,521	(3,414,453,059)	26,624,351,738	19,261,213,689
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		(223,948,724)	(9,594,730,737)	19,226,512,907	(15,658,725,401)
9. Chi phí bán hàng	25		-	-	-	2,281,949,493
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	V.05	16,133,942,223	16,112,432,429	52,435,453,519	31,897,683,635
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		144,001,318,996	36,890,823,202	472,713,326,375	32,886,365,403
12. Thu nhập khác	31		80,491,203,314	662,753,681	80,997,703,498	1,657,427,730
13. Chi phí khác	32		17,498,114,407	209,000,000	31,112,075,496	5,369,547,026
14. Lợi nhuận khác	40		62,993,088,907	453,753,681	49,885,628,002	(3,712,119,296)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		206,994,407,903	37,344,576,883	522,598,954,376	29,174,246,107
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.06	41,427,939,601	2,120,661,658	104,676,276,742	7,222,700,653
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		165,566,468,302	35,223,915,225	417,922,677,634	21,951,545,454
- LNST của cổ đông của công ty mẹ	61		167,452,002,551	35,240,153,865	421,753,138,705	17,895,888,044
- LNST của cổ đông không kiểm soát	62		(1,885,534,249)	(16,238,639)	(3,830,461,071)	4,055,657,411
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.07	1,152	13,440	5,469	6,825
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		1,152	13,440	5,469	6,825



Tô Như Toàn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 17 tháng 1 năm 2018

Đỗ Thị Thanh Phương
Kế toán trưởng

Trần Mỹ Yến
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Quý IV/2017

Chỉ tiêu	MS	Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017	Từ 01/01/2016 đến 31/12/2016
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	522,598,954,376	29,174,246,107
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	2,415,299,771	2,321,147,097
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(76,666,944,404)	(2,412,987,432)
- Chi phí lãi vay	06	26,654,460,151	19,261,213,689
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	475,001,769,894	48,343,619,461
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(312,372,311,253)	(566,523,887,033)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	23,419,179,162	(10,224,542,956)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	(357,822,865,034)	329,574,553,874
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(1,620,787,190)	2,036,577,876
- Tiền lãi vay đã trả	14	(34,860,004,284)	(31,251,385,785)
- Thuế TNDN đã nộp	15	(72,705,213,610)	(2,337,000,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(280,960,232,314)	(230,382,064,563)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(88,361,703,536)	(8,355,287,284)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	630,000,000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(23,200,000,000)	(12,751,984,945)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	1,825,000,000	2,551,984,945
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(444,160,132,789)	(177,050,697,175)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	144,430,000,000	309,507,500,000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	4,078,877,406	2,058,621,426
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(405,387,958,919)	116,590,136,967
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	1,068,902,000,000	-
0. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
2. Tiền thu từ đi vay	33	1,472,194,020,697	975,642,667,579
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(1,387,873,075,256)	(774,493,860,868)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(247,580,600,000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	905,642,345,441	201,148,806,711
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	219,294,154,208	87,356,879,115
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	106,384,700,676	19,027,821,561
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	325,678,854,884	106,384,700,676



Tô Như Toàn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 17 tháng 1 năm 2018

Đỗ Thị Thanh Phương
Kế toán trưởng

Trần Mỹ Yên
Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV/2017

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Văn Phú - Invest tiền thân là Công ty Cổ phần Kinh doanh nhà Quảng Ninh được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký lần đầu ngày 12/03/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 31/07/2017, mã số doanh nghiệp 0102702590.

Trụ sở chính của Công ty tại số 177, tổ 51, phố Trung Kính, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần 17 là 1.600.000.000.000 đồng (Một nghìn, sáu trăm tỷ đồng).

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

- Kinh doanh bất động sản;
- Kinh doanh vật liệu xây dựng.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất, kinh doanh khai thác và quản lý chợ, siêu thị;
- Thi công xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi;
- Mua bán vật tư, thiết bị, vật liệu xây dựng.

1.4 Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Trong kỳ, Công ty bàn giao 107 ô liền kề thuộc Dự án nhà ở thấp tầng V5+V6 - Khu đô thị Văn Phú (trong tổng số 148 ô) cho khách hàng và ghi nhận doanh thu vào kỳ kế toán 09 tháng năm 2017. Do đó, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và lợi nhuận kế toán trước thuế có biến động tăng lớn so với cùng kỳ năm trước.

1.5 Cấu trúc Công ty

Công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV/2017

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết
Công ty TNHH MTV Đầu tư Văn Phú Giảng Võ	Số 177 Trung Kính, quận Cầu Giấy, Tp. Hà Nội	Kinh doanh bất động sản	100%	100%
Công ty CP Đầu tư Văn Phú số 1	Số 177 Trung Kính, quận Cầu Giấy, Tp. Hà Nội	Kinh doanh bất động sản, xây lắp	51.00%	51.00%
Công ty CP Đầu tư Văn Phú số 2	Số 177 Trung Kính, quận Cầu Giấy, Tp. Hà Nội	Kinh doanh bất động sản	51.00%	51.00%
Công ty CP Đầu tư Văn Phú số 3 (tên cũ là Công ty CP Đầu tư Văn Phú - IBS)	Số 177 Trung Kính, quận Cầu Giấy, Tp. Hà Nội	Kinh doanh bất động sản	76.00%	76.00%
Công ty CP Văn Phú Bắc Ái	Số 129 Đinh Tiên Hoàng, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh	Kinh doanh bất động sản	60.00%	60.00%

Công ty liên kết

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết
Công ty CP ĐT BOT Hà Nội - Bắc Giang	Số 14, Lô B1 KĐT Nam Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh	Xây dựng và thu phí đường bộ	33%	33%
Công ty CP In và Văn hóa phẩm	Số 83 Hào Nam, quận Đống Đa, Tp. Hà Nội	Xây dựng và in ấn	47%	47%
Công ty CP Tài nguyên và Môi trường Trường Minh	Lô 52, BT7KĐT Văn Quán, quận Hà Đông, Tp. Hà Nội	Xây dựng, đo đạc lập bản đồ, môi trường	67,74%	35%
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Thương mại Văn Phú	Tầng 1-4, tòa V1 The Van Phu Victoria, CT9 KĐT Văn Phú, quận Hà Đông, Tp. Hà Nội	Kinh doanh bất động sản	35%	35%
Công ty CP kinh doanh địa ốc Văn Phú	Số 177 phố Trung Kính, P. Yên Hòa, Q. Cầu Giấy, TP Hà Nội	Môi giới kinh doanh bất động sản	36%	36%

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ngày 22/12/2014 đã được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV/2017

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước ban hành. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3.3 Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 hàng năm. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Các số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi/lỗ chưa thực hiện phát sinh từ giao dịch này được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty.

Khi Công ty đầu tư để tăng tỷ lệ lợi ích nắm giữ tại công ty con, phần chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư thêm và giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con mua thêm được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" và được coi là các giao dịch vốn chủ sở hữu.

Khi Công ty thoái một phần vốn tại công ty con:

- Nếu sau khi thoái vốn Công ty vẫn giữ quyền kiểm soát: kết quả của việc thoái vốn được ghi nhận vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" của Bảng cân đối kế toán hợp nhất.
- Nếu sau khi thoái vốn, Công ty mất quyền kiểm soát và công ty con trở thành công ty liên doanh, liên kết: khoản đầu tư còn lại được trình bày ở khoản mục "Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết" trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu và kết quả của việc thoái vốn được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.
- Nếu sau khi thoái Công ty mất quyền kiểm soát và công ty con trở thành khoản đầu tư thông thường: khoản đầu tư còn lại được trình bày theo phương pháp giá gốc và kết quả của việc thoái vốn được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Trường hợp công ty con huy động thêm vốn góp từ các chủ sở hữu, nếu tỷ lệ vốn góp thêm của các bên không tương ứng với tỷ lệ hiện hành thì chênh lệch giữa số vốn góp thêm của Công ty và phần sở hữu tăng thêm trong tài sản thuần của công ty con được ghi nhận vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và có kỳ hạn, tiền đang chuyển, vàng tiền tệ. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV/2017

tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

4.3 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản, công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc, được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại bỏ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV/2017

nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4.4 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV/2017

- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Đối với các dự án bất động sản: giá gốc bao gồm giá trị quyền sử dụng đất, chi phí phát triển đất và cơ sở hạ tầng, chi phí xây dựng;
- Đối với các nhóm hàng tồn kho khác: giá gốc bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Phương pháp tính giá hàng tồn kho:

- Đối với các dự án bất động sản: được xác định theo phương pháp đích danh.
- Đối với các nhóm hàng tồn kho khác: được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho là phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.6 Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc thiết bị	05 - 12
Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 - 10

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV/2017

Thiết bị văn phòng

03 - 10

4.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản, mua sắm máy móc thiết bị có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

4.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí sửa chữa, phục hồi tài sản

Các chi phí sửa chữa, phục hồi tài sản phát sinh được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

4.9 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

4.10 Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

4.11 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV/2017

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

4.12 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các kỳ trước. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.13 Doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV/2017

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
 - Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tặng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được, không ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính.

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

4.14 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính hợp nhất và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV/2017

4.15 Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

4.16 Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm có các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác và các công cụ tài chính phái sinh.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

4.17 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

4.18 Điều chỉnh hồi tố

Là việc điều chỉnh những ghi nhận, xác định giá trị và trình bày các khoản mục của báo cáo tài chính như thể các sai sót của kỳ trước chưa hề xảy ra.

Công ty thực hiện điều chỉnh hồi tố những sai sót trọng yếu liên quan đến các kỳ trước vào báo cáo tài chính phát hành ngay sau thời điểm phát hiện ra sai sót bằng cách:

- Điều chỉnh lại số liệu so sánh nếu sai sót thuộc kỳ lấy số liệu so sánh; hoặc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV/2017

4.15 Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

4.16 Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm có các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác và các công cụ tài chính phái sinh.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

4.17 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

4.18 Điều chỉnh hồi tố

Là việc điều chỉnh những ghi nhận, xác định giá trị và trình bày các khoản mục của báo cáo tài chính như thể các sai sót của kỳ trước chưa hề xảy ra.

Công ty thực hiện điều chỉnh hồi tố những sai sót trọng yếu liên quan đến các kỳ trước vào báo cáo tài chính phát hành ngay sau thời điểm phát hiện ra sai sót bằng cách:

- Điều chỉnh lại số liệu so sánh nếu sai sót thuộc kỳ lấy số liệu so sánh; hoặc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV/2017

- Điều chỉnh số dư đầu kỳ của tài sản, nợ phải trả và các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu của kỳ lấy số liệu so sánh, nếu sai sót thuộc kỳ trước kỳ lấy số liệu so sánh.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	62.286.079.299	16.900.591.629
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	163.392.775.585	21.484.109.047
Các khoản tương đương tiền	100.000.000.000	68.000.000.000
Cộng	325.678.854.884	106.384.700.676

(i) Khoản tiền gửi tại các ngân hàng kỳ hạn 1 tháng, lãi suất 4,7%-5%/năm.

5.2 Phải thu khách hàng

5.2.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Nguyễn Trung Thành (i)	104.474.644.500	-	548.983.537.821	-
Bộ Y Tế (ii)	552.759.716.403			
Các khoản phải thu khách hàng khác	144.209.918.075	(252.468.507)	344.324.435.076	(252.468.507)
Cộng	801.444.278.978	(252.468.507)	893.307.972.897	(252.468.507)

(i) Khoản phải thu về Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần tại Công ty CP đầu tư VP Land theo HĐ 01/2017/HĐCNCP-VPL ngày 28/12/2017

(ii) Khoản phải thu Bộ Y tế theo Hợp đồng xây dựng - chuyển giao Dự án Đầu tư xây dựng trụ sở mới Trường Đại học Y tế công cộng tại phường Đức Thắng, quận Bắc Từ Liêm, Tp. Hà Nội ký năm 2015 giữa Bên A - Bộ Y tế (Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền) và Bên B - Công ty CP Đầu tư Văn Phú - Invest (Nhà đầu tư), Công ty TNHH MTV Đầu tư Văn Phú - Giảng Võ (Doanh nghiệp Dự án). Theo Hợp đồng này, Bên B (Nhà đầu tư - Doanh nghiệp Dự án) được thực hiện đầu tư xây dựng, kinh doanh khai thác Dự án khác trên cơ sở quy hoạch Khu đất tại số 138B phố Giảng Võ, quận Ba Đình, Tp. Hà Nội được UBND thành phố Hà Nội phê duyệt tại Quyết định số 6907/QĐ-UBND ngày 22/12/2014.

5.2.2 Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV/2017

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Công ty CP Đầu tư Văn Phú - Bắc Ái	9.500.000.000	-	9.500.000.000	-
Công ty CP ĐT HNS Việt Nam	700.000.000	-	700.000.000	-
Trịnh Thị Vinh	1.000.000.000	-	-	-
Cộng	11.200.000.000	-	10.200.000.000	-

5.4.2 Phải thu về cho vay dài hạn

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Tạ Hữu Long	-	-	1.825.000.000	-
Cộng	-	-	1.825.000.000	-

5.4.3 Phải thu về cho vay các bên liên quan

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Công ty CP Đầu tư Văn Phú - Bắc Ái	9.500.000.000	-	9.500.000.000	-
Cộng	9.500.000.000	-	9.500.000.000	-

5.5 Phải thu khác

5.5.1 Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ký quỹ, ký cược	24.505.000.000	-	24.505.000.000	-
Tiền tạm ứng cho CBNV	133.947.424.867	-	21.267.766.580	-
Phải thu khác	49.785.907.197	-	14.613.040.079	-
Cộng	208.238.332.064	-	60.385.806.659	-

5.5.2 Phải thu dài hạn khác

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV/2017

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ký quỹ, ký cược	7.039.550.000		-	
Góp vốn hợp tác kinh doanh - Công ty CP Đầu tư Đô Thị Kang Long (i)	-	-	72.141.022.000	-
Góp vốn hợp tác kinh doanh - Công ty CP Bất động sản Song Lộc	5.786.000.000	-	10.786.000.000	-
Đặt cọc đầu tư xây dựng DA xây dựng lại khu tập thể 3A - Công ty CP Nhật Quân Anh	32.000.000.000	-	30.000.000.000	-
Góp vốn hợp tác đầu tư - Công ty CP Tài nguyên và Môi trường Trường Minh	6.000.000.000	-	-	-
Ứng vốn GPMB cho Sở tài chính, TP.HCM (ii)	20.641.611.606	-	-	-
Ứng vốn GPMB cho Ban bồi thường quận Thủ Đức (ii)	418.219.845.473	-	-	-
Trung tâm phát triển quỹ đất Tp. HCM	315.932.496	-	-	-
Cộng	490.002.939.575	-	112.927.022.000	-

(i) Hợp đồng góp vốn số 0979/HĐGV ngày 05/05/2012:

- Nội dung: Công ty CP Đầu tư Đô thị Kang Long được UBND Tp. Hà Nội cho phép nghiên cứu đầu tư xây dựng tuyến đường Thái Hà kéo dài đến Voi Phục theo hình thức xã hội hóa đầu tư. Theo đó, Công ty CP Đầu tư Đô thị Kang Long được đầu tư trên các lô đất ký hiệu X5 và X6 làm đối ứng để xây dựng tuyến đường Thái Hà kéo dài đến Voi Phục. Công ty CP Đầu tư Văn Phú - Land góp vốn đầu tư xây dựng tuyến đường này để được hưởng lãi suất hoặc hưởng quyền ưu tiên mua sản phẩm đầu tư trên các lô đất X5 và X6 khi tuyến đường mở qua, sản phẩm là đất ở được dự kiến chia lô có hạ tầng ngoài nhà.
- Giá trị và hợp đồng: Vốn góp của Công ty CP Đầu tư Văn Phú - Land được quy đổi thành sản phẩm do Công ty CP Đầu tư Đô thị Kang Long dự kiến đầu tư như sau:
 - + Loại đất: đất ở dự kiến chia lô, có hạ tầng ngoài nhà;
 - + Diện tích đất (tạm tính): 1.050 m², diện tích thực tế sẽ được xác định tại thời điểm bàn giao ranh giới đất, giá trị sẽ được điều chỉnh tương ứng;
 - + Đơn giá: 152.000.000 đồng/m² (Công ty CP Đầu tư Đô thị Kang Long chịu thuế VAT khi hai Bên tiến hành mua bán sản phẩm đầu tư);
 - + Giá trị hợp đồng tạm tính: 159.600.000.000 đồng.

(ii) Khoản ứng vốn đền bù giải phóng mặt bằng để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng đoạn tuyến kết nối từ đường Phạm Văn Đồng đến nút giao thông Gò Dưa (Quốc lộ 1) theo hình thức Hợp đồng xây dựng - chuyển giao (BT).

5.5.3 Phải thu khác của các bên liên quan

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV/2017

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Góp vốn hợp tác đầu tư - Công ty CP Tài nguyên và Môi trường Trường Minh	6.000.000.000	-	-	-
Công ty CP ĐT Văn Phú - House	2.719.564.564	-	2.716.564.564	-
Công ty CP SX và TM Tây Hà	4.024.607.137	-	4.020.607.137	-
Công ty CP Thời trang Gina Le	-	-	3.016.667	-
Cộng	12.744.171.701	-	6.740.188.368	-

5.6 Hàng tồn kho

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	-	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	14.432.401.600	-	-	-
Công cụ, dụng cụ	51.200.000	-	561.650.270	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.124.270.150.074	-	1.159.265.328.441	-
Hàng hoá	89.311.216	-	2.435.263.341	-
Cộng	1.138.843.062.890	-	1.162.262.242.052	-

Chi tiết Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Dự án nhà ở thấp tầng V5+V6 - KĐT Văn Phú (i)	3.371.147.003	200.998.360.973
Dự án Thảo Điền - TP. HCM (ii)	163.254.170.163	163.245.944.314
Dự án KĐT An Hưng (iii)	700.949.671.131	699.949.203.659
Các dự án khác	256.695.161.777	95.071.819.495
Cộng	1.124.270.150.074	1.159.265.328.441

(i) Dự án nhà ở thấp tầng V5+V6 được xây dựng tại lô đất V5 và V6 thuộc khu đô thị Văn Phú, có diện tích quy hoạch là 18.430 m². Dự án bao gồm 148 ô liền kề có diện tích 73 - 215 m² với mật độ xây dựng dưới 60%. Tính đến thời điểm 30/09/2017, có 141 ô liền kề đã ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ở và quyền sở hữu nhà ở, trong đó có 130 ô đã bàn giao đưa vào sử dụng.

(ii) Dự án Thảo Điền - TP.HCM được nhận chuyển nhượng từ Công ty TNHH Xây dựng Thế Minh, tổng giá trị chuyển nhượng đã bao gồm thuế GTGT là 162.000.000.000 đồng.

Công ty được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Dự án số BA881005 ngày 15/01/2010, tổng diện tích 4.967 m², mục đích sử dụng để xây dựng chung cư.

(iii) Dự án KĐT An Hưng được nhận chuyển nhượng từ Công ty CP Đầu tư Đô thị An Hưng, tổng giá trị chuyển nhượng đã bao gồm thuế GTGT là 747.060.300.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV/2017

Công ty được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Dự án số CC216528 ngày 14/12/2015, tổng diện tích 35.574 m2, mục đích sử dụng để thực hiện Dự án xây dựng công trình tổ hợp thương mại dịch vụ và căn hộ cao cấp An Hưng.

5.7 Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn

	31/12/2017	01/01/2017
	Giá gốc (i)	Giá gốc (i)
	VND	VND
Dự án Nam Sầm Sơn - Thanh Hoá (i)	45.302.288.093	39.576.448.077
Cộng	45.302.288.093	39.576.448.077

(i) Công ty đánh giá giá trị có thể thu hồi của các dự án trên bằng giá gốc.

Dự án Nam Sầm Sơn - Thanh Hóa được chấp thuận đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu biệt thự Hùng Sơn - Nam Sầm Sơn theo Văn bản số 4038/QĐ-CT ngày 15/12/2004 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa, tổng diện tích 26,09 ha.

5.8 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2017	39.000.000	18.917.733.118	1.498.778.301	-	20.455.511.419
Mua trong kỳ	246.850.012	1.413.005.454	92.000.000	49.080.000	1.800.935.466
Thanh lý, nhượng bán	(39.000.000)	(7.972.353.910)	(697.651.759)	-	(8.709.005.669)
Số dư tại 31/12/2017	246.850.012	12.358.384.662	893.126.542	49.080.000	13.547.441.216
GIÁ TRỊ HAO MÒN					
Số dư tại 01/01/2017	39.000.000	5.891.550.762	1.450.489.326	-	7.381.040.088
Khấu hao trong kỳ	95.456.547	2.286.365.792	21.207.432	12.270.000	2.415.299.771
Tăng do đánh giá lại	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	-
Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.895.349.667)	-	-	(1.895.349.667)
Giảm do đánh giá lại	-	-	-	-	-
Giảm khác	(39.000.000)	(2.345.210.535)	(697.651.759)	-	(3.081.862.294)
Số dư tại 31/12/2017	95.456.547	3.937.356.352	774.044.999	12.270.000	4.819.127.898
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số dư tại 01/01/2017	-	13.026.182.356	48.288.975	-	13.074.471.331
Số dư tại 31/12/2017	151.393.465	8.421.028.310	119.081.543	36.810.000	8.728.313.318

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Quý IV/2017

5.9 Các khoản đầu tư tài chính

5.9.1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	22.200.000.000	22.200.000.000	-	-
Cộng	22.200.000.000	22.200.000.000	-	-

(i) Khoản tiền gửi tại Ngân hàng TNHH Indovina - CN Thiên Long kỳ hạn 06 tháng, lãi suất 6,2%/năm, dùng để ký quỹ để Ngân hàng Indovina phát hành bảo lãnh hoàn trả tiền ứng trước/đặt cọc với số tiền tối đa 74.000.000.000 VND cho Công ty TNHH Joming theo Thỏa thuận cấp bảo lãnh kiêm Hợp đồng cầm cố số 37/2017/TTCBL/IVBTL-VBBA ngày 14/06/2017.

5.9.2 Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	31/12/2017			01/01/2017		
	Giá gốc VND	Lợi nhuận thuần VND	Tổng VND	Giá gốc VND	Lợi nhuận thuần VND	Tổng VND
Công ty CP ĐT BOT Hà Nội - Bắc Giang	163,786,400,000	15,307,334,246	179,093,734,246	163,786,400,000	(6,343,494,723)	157,442,905,277
Công ty CP In và Văn hóa phẩm	33,777,503,175	(13,420,330,307)	20,357,172,868	33,777,503,175	(12,463,346,616)	21,314,156,559
Công ty CP Tài nguyên và Môi trường Trường Minh	10,500,000,000	(1,157,598,722)	9,342,401,278	9,100,000,000	(1,176,925)	9,098,823,075
Công ty CP Đầu tư Văn Phú - IPS	-	-	-	1,600,000,000	(408,013,934)	1,191,986,066
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Thương mại Văn Phú	278,006,400,000	123,294,707	278,129,694,707	-	-	-
Cộng	486,070,303,175	852,699,924	486,923,003,099	208,263,903,175	(19,216,032,198)	189,047,870,977

5.9.3 Đầu tư vào đơn vị khác

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV/2017

			31/12/2017				01/01/2017	
	Giá gốc VND	DP VND	Giá hợp lý VND	Giá gốc VND	DP VND	Giá hợp lý VND	Giá gốc VND	DP VND
Công ty CP Đầu tư HNS Việt Nam	12.000.000.000	-	12.000.000.000	12.000.000.000	-	12.000.000.000	12.000.000.000	-
Công ty CP Đầu tư Văn Phú - Bắc Ái	4.565.000.000	-	4.565.000.000	4.565.000.000	-	4.565.000.000	4.565.000.000	-
Cộng	16.565.000.000	-	16.565.000.000	16.565.000.000	-	16.565.000.000	16.565.000.000	-

Thông tin bổ sung cho các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

TT	Tên công ty liên kết	31/12/2017			01/01/2017		
		Số lượng CP	Tỷ lệ sở hữu %	Tỷ lệ biểu quyết %	Số lượng CP	Tỷ lệ sở hữu %	Tỷ lệ biểu quyết %
1	Công ty CP ĐT BOT Hà Nội - Bắc Giang	16.378.640	33%	33%	16.378.640	33%	33%
2	Công ty CP In và Văn hóa phẩm	3.369.327	46,77%	46,77%	3.369.327	46,77%	46,77%
3	Công ty CP Tài nguyên và Môi trường Trường Minh	1.050.000	67,74%	67,74%	910.000	64,54%	35%
4	Công ty CP Đầu tư Văn Phú - IPS	-	0%	0%	160.000	44,44%	40%
5	Công ty CP Đầu tư và Phát triển Thương mại Văn Phú	965.300	35%	35%	-	0%	0%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV/2017

5.10 Phải trả người bán

5.10.1 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty CP Đầu tư Văn Phú số 1	-	-	24.462.464.000	24.462.464.000
Phải trả cho các đối tượng khác	132.271.728.977	132.271.728.977	207.693.800.381	207.693.800.381
Cộng	132.271.728.977	132.271.728.977	232.156.264.381	232.156.264.381

5.10.2 Phải trả người bán là các bên liên quan

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Thương mại Văn Phú	-	-	194.193.289	194.193.289
Công ty CP Tư vấn ĐT và PT kiến trúc I.D.E.A	84.186.000	84.186.000	525.508.550	525.508.550
Cộng	84.186.000	84.186.000	719.701.839	719.701.839

5.11 Chi phí phải trả

5.11.1 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Chi phí trích trước dự án Văn Phú		
<i>Hạng mục Hạ tầng kỹ thuật</i>	480.635.222.715	493.259.698.655
<i>Hạng mục Nhà xây thô thấp tầng</i>	3.782.562.652	3.782.562.652
<i>Hạng mục Nhà cao tầng - CT9</i>	3.974.375.925	191.030.079.113
<i>Hạng mục Nhà ở TT34 BC</i>	3.714.465.108	
Cộng	492.106.626.400	688.072.340.420

5.12 Doanh thu chưa thực hiện

5.12.1 Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Doanh thu nhận trước	-	301.449.571.462
<i>Dự án nhà thấp tầng V5+V6 KĐT Văn Phú</i>	-	300.358.434.562
<i>Dự án nhà cao tầng CT9 KĐT Văn Phú</i>	-	1.091.136.900
<i>Dự án An Hưng</i>	-	-
Các khoản doanh thu chưa thực hiện khác	-	526.013
Cộng	-	301.450.097.475

5.13 Phải trả khác

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV/2017

5.13.1 Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Kinh phí công đoàn	23 175 613	23,175,613	-	-
Bảo hiểm xã hội			108,508	108,508
Công ty CP Đầu tư Văn Phú-Land	45,368,000,000	45,368,000,000		
Giá trị bảo trì DA Văn Phú - CT9	791,486,105	791,486,105	37,880,067,413	37,880,067,413
Nhận góp vốn HTKD - Công ty CP ĐT BOT Hà Nội - Bắc Giang	-	-	12,936,000,000	12,936,000,000
Nhận góp vốn HTKD - Công ty CPĐT BTĐ	10,000,000,000	10,000,000,000	10,000,000,000	10,000,000,000
Tiền đặt cọc hoàn thiện nhà DA Văn Phú	7,250,000,000	7,250,000,000	7,125,000,000	7,125,000,000
Công ty CP đầu tư BĐS SIC (i)	191,250,000,000			
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn (ii)	74,000,000,000	74,000,000,000		
Phải trả khác	7,887,039,711	7,887,039,711	28,873,613,421	28,873,613,421
Cộng	336,569,701,429	145,319,701,429	96,814,789,342	96,814,789,342

5.13.2 Phải trả dài hạn khác

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty TNHH MTV Đầu tư Văn Phú-Trung Kính (iii)	-	-	362,318,636,432	362,318,636,432
Nhận góp vốn hợp tác kinh doanh - Công ty CP Văn Phú-Holdings	-	-	25,600,000,000	25,600,000,000
Phải trả tiền vốn huy động vốn đối ứng GPMB Dự án BT xây dựng tuyến đường Gò Dưa - Phạm Văn Đồng Đặng Tuấn Anh	2,670,000,000	2,670,000,000	-	-
Trần Thị Lan Hương	5,850,000,000			
Trần Thị Thanh Nhân	6,750,000,000			
Nhận góp vốn HTKD - Công ty CP In và Văn hóa phẩm (iv)	19,017,202,714			
Cộng	40,137,202,714	2,670,000,000	387,918,636,432	387,918,636,432

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV/2017

(i) Phải trả hợp đồng nguyên tắc chuyển nhượng dự án gắn với chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 02/20174/VPI-SIC chuyển nhượng thửa đất tại phường Thảo Điền, Q2, TP HCM

(ii) Khoản nhận đặt cọc theo Hợp đồng nguyên tắc chuyển nhượng quyền sử dụng đất ký giữa Công ty CP Văn Phú Bắc Á với Công ty TNHH Joming ngày 25/11/2016 tại số 132 Đào Duy Từ, phường 6, quận 10, TP. Hồ Chí Minh.

Công ty CP Đầu tư Văn Phú Bắc Á là đại diện Liên danh thực hiện Dự án BT xây dựng đoạn tuyến kết nối từ đường Phạm Văn Đồng đến nút giao thông Gò Dưa - Quốc lộ 1, gồm 03 đơn vị là Công ty CP Đầu tư Văn Phú - Invest, Công ty CP Đầu tư Văn Phú Bắc Á và Công ty CP Đầu tư HNS Việt Nam.

Khu đất tại 132 Đào Duy Từ, phường 6, quận 10, TP. Hồ Chí Minh là khu đất mà UBND Tp. Hồ Chí Minh đồng ý giao cho Liên danh để thu hồi vốn đầu tư khi thực hiện Dự án BT này.

Tổng giá trị chuyển nhượng đã bao gồm thuế GTGT là 370.000.000.000 VND.

(iii) Hợp đồng hợp tác đầu tư ngày 09/01/2015:

- Nội dung: Công ty CP Đầu tư Văn Phú - Invest và Công ty TNHH MTV Đầu tư Văn Phú Trung Kính cùng hợp tác đầu tư nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và quyền phát triển dự án trên đất đối với ô đất quy hoạch ký hiệu TTDV-01 Khu đô thị mới An Hưng, quận Hà Đông, TP. Hà Nội của Công ty CP Đầu tư đô thị An Hưng;
- Vốn góp của các bên: Giá nhận chuyển nhượng dự kiến là 800.000.000.000 VND, giá trị vốn góp mỗi bên là 400.000.000.000 VND, Công ty TNHH MTV Đầu tư Văn Phú Trung Kính có trách nhiệm chuyển tiền góp vốn cho Công ty CP Đầu tư Văn Phú - Invest;
- Phân chia lợi nhuận: Sau khi Công ty CP Đầu tư Văn Phú - Invest hoàn tất thủ tục nhận chuyển nhượng theo quy định của pháp luật, các bên sẽ tiến hành thỏa thuận phương thức đầu tư Dự án trên khu đất nhận chuyển nhượng, phương thức phân chia lợi nhuận khi đưa Dự án vào kinh doanh, phù hợp với mục đích hợp tác, phù hợp ngành nghề đăng ký kinh doanh của các bên và theo quy định của pháp luật.

Ngày 11/04/2017, hai bên đã tiến hành thanh lý hợp đồng trên. Số tiền Công ty CP Đầu tư Văn Phú - Invest phải trả Công ty TNHH MTV Đầu tư Văn Phú Trung Kính theo Hợp đồng hợp tác đầu tư trên được bù trừ với số tiền Công ty TNHH MTV Đầu tư Văn Phú Trung Kính phải trả Công ty CP Đầu tư Văn Phú - Invest về tiền mua cổ phần: 362.058.000.000 đồng, số còn lại được thanh toán bằng tiền.

5.13.3 Phải trả dài hạn khác cho các bên liên quan

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty CP ĐT BOT Hà Nội - Bắc Giang	-	-	12.936.000.000	12.936.000.000
Công ty CP Văn Phú-Holdings	-	-	25.600.000.000	25.600.000.000
Công ty CP In và Văn hóa phẩm	19.017.202.714	19.017.202.714	-	-
Cộng	19.017.202.714	19.017.202.714	38.536.000.000	38.536.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV/2017

5.14 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số phải thu cuối kỳ VND	Số phải nộp cuối kỳ VND	Số đã thực nộp trong kỳ VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số phải thu đầu kỳ VND	Số phải nộp đầu kỳ VND
Thuế giá trị gia tăng	-	9.611.275.750	181.617.776	-	-	9.792.893.526
Thuế thu nhập doanh nghiệp	211.313.239	61.486.074.538	72.659.007.801	106.032.752.076	68.372.284	30.024.830.263
Thuế thu nhập cá nhân	-	6.395.710.775	5.511.844.299	11.824.961.683	16.707.522	33.581.573
Các loại thuế khác	-	-	669.285.853	669.285.853	-	-
Phí, lệ phí và các khoản khác	-	-	11.847.022.733	11.847.022.733	-	584.294.927
Cộng	211.313.239	77.493.061.063	90.868.778.462	130.374.022.345	85.079.806	40.435.600.289

5.15 Vay và nợ thuê tài chính

5.15.1 Vay ngắn hạn

	31/12/2017		Trong kỳ		01/01/2017	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Ngân hàng TNHH Indovina - CN Thiên Long (i)	237.124.851.962	237.124.851.962	903.730.505.014	998.840.262.256	326.163.609.204	326.163.609.204
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - CN Thăng Long (ii)	77.926.247.028	77.926.247.028	135.832.108.028	189.699.355.000	131.793.494.000	131.793.494.000
Tô Như Toàn	-	-	83.000.000.000	83.000.000.000	-	-
Tô Như Thăng	-	-	24.000.000.000	24.000.000.000	-	-
Vay đối tượng khác	5.037.975.000	5.037.975.000	32.750.000.000	32.909.950.000	89.563.089.021	89.563.089.021
Cộng	333.962.392.620	320.089.073.990	1.193.185.931.672	1.328.449.567.256	547.520.192.225	547.520.192.225

5.15.2 Vay dài hạn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV/2017

	31/12/2017		Trong kỳ		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tô Như Toàn	-	-	-	31.923.508.000	31.923.508.000	31.923.508.000
Tô Như Thắng	-	-	-	27.500.000.000	27.500.000.000	27.500.000.000
Ngân hàng TNHH Indovina - CN Thiên Long (iii)	10.788.243.552	10.788.243.552	10.788.243.552	-	-	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Thủ Thiêm và Ngân hàng TNHH Indovina - CN Thiên Long (iv)	268.219.845.473	268.219.845.473	268.219.845.473	-	-	-
Cộng	279.008.089.025	279.008.089.025	279.008.089.025	59.423.508.000	59.423.508.000	59.423.508.000

(i) Các khoản vay Ngân hàng TNHH Indovina - CN Thiên Long:

Hợp đồng hạn mức tín dụng số 72/2017/CR/IVBTL-VPI ngày 03/07/2017 và các Phụ lục kèm theo:

- Hạn mức khoản vay 740.000.000.000 VND;
- Thời hạn hạn mức 01 năm; Thời hạn các khoản vay thông thường không quá 10 tháng kể từ ngày giải ngân;
- Mục đích vay: tài trợ một phần vốn lưu động của bên vay;
- Lãi suất từ 7,8%-9,3%/năm;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV/2017

- Biện pháp bảo đảm:
Thế chấp quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất tại khu đất ký hiệu TTDV-01, KĐT An Hưng, quận Hà Đông, TP. Hà Nội

(ii) Các khoản vay Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - CN Thăng Long:

Hợp đồng hạn mức tín dụng số 85/2016/HĐHM/IVBTL-VP1 ngày 30/08/2016 và Hợp đồng điều chỉnh số 95/2017/HĐMB/IVBTL-VP1 ngày 30/8/2017

- Hạn mức khoản vay 200.000.000.000 VND;
- Thời hạn các khoản vay thông thường không quá 10 tháng kể từ ngày giải ngân;
- Lãi suất được điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng;
- Mục đích vay: tài trợ bổ sung nhu cầu vốn lưu động của bên vay;
- Biện pháp bảo đảm:
Thế chấp quyền sử dụng đất tại khu đất ký hiệu TTDV-01, KĐT An Hưng, quận Hà Đông, TP. Hà Nội.
Quyền đòi nợ phát sinh từ các hợp đồng.

Hợp đồng hạn mức tín dụng số 95/2016/HĐHM/IVBTL-VPS2 ngày 30/08/2016 và Các Phụ lục liên quan

- Hạn mức khoản vay 400.000.000.000 VND;
- Thời hạn các khoản vay thông thường không quá 10 tháng kể từ ngày giải ngân;
- Lãi suất được điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng;
- Mục đích vay: tài trợ vốn lưu động của bên vay;
- Biện pháp bảo đảm:
Thế chấp quyền sử dụng đất tại khu đất ký hiệu TTDV-01, KĐT An Hưng, quận Hà Đông, TP. Hà Nội.
Quyền đòi nợ phát sinh từ việc thực hiện dự án đầu tư.

(ii) Các khoản vay Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - CN Thăng Long:

Hợp đồng tín dụng số TLG20150622/HĐCTD ngày 22/06/2015 và các Phụ lục kèm theo:

- Hạn mức khoản vay: 165.000.000.000 VND
- Thời hạn sử dụng hạn mức: Từ ngày 13/12/2017 đến hết ngày 13/12/2018; Thời hạn mỗi khoản vay trong hạn mức không vượt quá 06 tháng;
- Lãi suất: theo từng lần giải ngân;
- Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ thi công xây dựng tòa nhà CT9-Dự án Văn Phú Victoria (Khối căn hộ), dự án nhà ở thấp tầng tại ô đất V5+V6;
- Biện pháp bảo đảm: Thế chấp quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại địa chỉ khu dịch vụ thương mại tòa nhà The Van phu Victoria, CT 9 Khu đô thị Văn Phú, Hà Đông, Hà Nội

Hợp đồng tín dụng số TLG20171119/HĐTD ngày 13/12/2017 và các Phụ lục kèm theo:

- Hạn mức khoản vay 85.000.000.000 VND;
- Thời hạn rút vốn: Từ ngày 13/12/2017 đến hết ngày 12/12/2018;
- Lãi suất: mức lãi suất theo từng lần giải ngân;
- Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động góp vốn vào Công ty TNHH MTV Đầu tư Văn Phú Giảng Võ để thực hiện xây dựng trường Đại học y tế Cộng đồng.

(iii) Hợp đồng vay số 43/2017/HĐTH/IVBTL-VPBA ngày 18/05/2017:

- Số tiền vay 60.000.000.000 VND;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV/2017

- Thời hạn cho vay là 5 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên;
- Lãi suất tại thời điểm vay là 10,2%/365 ngày, điều chỉnh 6 tháng/lần theo thông báo của Indovinabank;
- Mục đích vay: tài trợ chi phí tư vấn và chi phí cho các công tác chuẩn bị khác trước giai đoạn giải phóng mặt bằng và thi công xây dựng dự án "Đầu tư xây dựng tuyến kết nối từ đường Phạm Văn Đồng đến nút giao thông Gò Dưa - Quốc lộ 1.
- Bảo đảm bằng: Quyền thu nợ và các quyền tài sản khác phát sinh từ Hợp đồng xây dựng - chuyển giao (Hợp đồng BT) Dự án đầu tư xây dựng đoạn tuyến kết nối từ đường Phạm Văn Đồng đến nút giao thông Gò Dưa - Quốc lộ 1.

(iv) Hợp đồng cho vay hợp vốn giữa Ngân hàng Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Thủ Thiêm và Ngân hàng TNHH Indovina - CN Thiên Long năm 2017:

- Số tiền cho vay tối đa: 1.456.000.000.000 VND;
- Thời hạn cho vay là 60 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên;
- Lãi suất: điều chỉnh theo từng thời kỳ;
- Mục đích vay: thanh toán chi phí hợp lý, hợp lệ, hợp pháp đối với phần giải phóng mặt bằng để thực hiện Hợp đồng BT dự án "Đầu tư xây dựng đoạn tuyến kết nối từ đường Phạm Văn Đồng đến nút giao thông Gò Dưa - Quốc lộ 1, quận Thủ Đức theo hình thức đối tác công tư".
- Biện pháp bảo đảm:

Thế chấp quyền tài sản, quyền đòi nợ phát sinh từ Hợp đồng BT ký giữa UBND TP. HCM và Công ty CP Văn Phú Bắc Ái theo Hợp đồng thế chấp quyền tài sản số 280/HĐTCQTS/VCB-IVB-VPBA/17 ngày 18/05/2017;

Thế chấp phần vốn góp của các cổ đông góp vốn vào Bên vay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV/2017

5.16 Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	LNST chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại 01/01/2017	262,200,000,000	1,678	15,177,859,740	7,613,245,707	42,754,334,268	24,090,148,300	351,835,589,693
Tăng vốn trong kỳ (i)	1,337,800,000,000	-	-	-	-	181,565,000,000	1,519,365,000,000
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	421,753,138,705	-	421,753,138,705
Tăng khác (iii)	-	-	-	-	1,123,475,843	1,460,291,771	2,583,767,614
Giảm vốn trong kỳ	-	-	-	-	-	(9,197,195,250)	(9,197,195,250)
Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	-	(3,830,461,071)	(3,830,461,071)
Chia cổ tức (ii)	-	-	-	-	(244,172,000,000)	-	(244,172,000,000)
Giảm khác (iii)	-	(4)	-	(24,315,838)	(58,408)	(1,238,350,988)	(1,262,725,238)
Số dư tại 31/12/2017	1,600,000,000,000	1,674	15,177,859,740	7,588,929,869	221,458,890,408	192,849,432,762	2,037,075,114,453

(i) Trong kỳ, có 02 đợt tăng vốn:

- Đợt 1: tăng vốn theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 10/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 11/04/2017: tăng 362.058.000.000 đồng bằng hình thức phát hành thêm cổ phần và chào bán cho các cổ đông hiện hữu trong công ty theo tỷ lệ phần trăm vốn góp tương ứng.

Công ty TNHH MTV Đầu tư Văn Phú - Trung Kính sau khi nhận chuyển nhượng 2.620 cổ phần từ Ông Tô Như Thắng (tương ứng 262.000.000 đồng), là cổ đông được quyền ưu tiên mua 3.623 cổ phần. Công ty Văn Phú - Trung Kính nhận chuyển nhượng quyền ưu tiên mua từ các cổ đông khác với tổng số lượng là 3.616.957 cổ phần. Tổng số cổ phần Công ty Văn Phú - Trung Kính mua của Công ty Văn Phú Invest từ đợt phát hành thêm là 3.620.580 cổ phần tương ứng số tiền là 362.058.000.000 đồng. Số tiền mua cổ phần này được bù trừ với số tiền Công ty Văn Phú Invest phải trả Công ty Văn Phú - Trung Kính theo Hợp đồng hợp tác đầu tư ngày 09/01/2015 (Dự án Khu đô thị An Hưng) theo Thỏa thuận bù trừ công nợ số 01/2017/TTBT ngày 28/04/2017.

- Đợt 2: tăng vốn theo Nghị quyết số 2707/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/07/2017: tăng bằng tiền số tiền 975.742.000.000 đồng.

(ii) Theo Nghị quyết số 15/2017/ND-ĐHĐCĐ ngày 04/04/2017: Công ty thực hiện thanh toán cổ tức bằng tiền từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm trước và tạm ứng cổ tức năm 2017.

(iii) Tăng, giảm khác Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối do xác định giá trị khoản đầu tư vào công ty liên doanh liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu, và do thay đổi tỷ lệ sở hữu của cổ đông công ty mẹ và cổ đông không kiểm soát cuối kỳ so với đầu kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV/2017

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2017			01/01/2017		
	Số lượng CP	Giá trị VND	Tỷ lệ %	Số lượng CP	Giá trị VND	Tỷ lệ %
Ông Tô Như Toàn	40.000.000	400.000.000.000	25%	8.652.600	86.526.000.000	33%
Ông Tô Như Thắng	11.300.000	113.000.000.000	7,06%	5.244.000	52.440.000.000	20%
Bà Đào Thị Hồng Hạnh	4.000.000	40.000.000.000	2,50%	11.799.000	117.990.000.000	45%
Ông Vũ Thanh Tuấn	7.750.000	77.500.000.000	4,84%	524.400	5.244.000.000	2%
Công ty CP Đầu tư THG Holdings	37.500.000	375.000.000.000	23,44%			
Vốn góp của cổ đông khác	59.450.000	594.500.000.000	37,16%			
Cộng	160.000.000	1.600.000.000.000	100%	26.220.000	262.200.000.000	100%

Cổ phiếu

	31/12/2017 Cổ phiếu	01/01/2017 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	160.000.000	26.220.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	160.000.000	26.220.000
Cổ phiếu phổ thông	160.000.000	26.220.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	160.000.000	26.220.000
Cổ phiếu phổ thông	160.000.000	26.220.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/Cổ phiếu) (i)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

(i) Ngày 10/07/2017, Đại hội đồng cổ đông Công ty đã thông qua việc thay đổi mệnh giá cổ phần từ 100.000 VND/cổ phần thành 10.000 VND/cổ phần theo Nghị quyết số 34/2017/NQ-ĐHĐCĐ.

Số lượng cổ phiếu thực tế tại ngày 01/01/2017 là 2.622.000 cổ phiếu (theo mệnh giá 100.000 VND/cổ phiếu), quy đổi theo mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu là 26.220.000 cổ phiếu cho phù hợp để có thể so sánh các chỉ tiêu liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV/2017

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

6.1.1 Tổng doanh thu

	Từ 01/10/2017 đến 31/12/2017	Từ 01/10/2016 đến 31/12/2016
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	29.976.418.042	41.228.611.300
Doanh thu hoạt động xây lắp	3.755.205.019	428.279.494.439
Doanh thu cung cấp dịch vụ	421.463.791	4.373.952.586
Doanh thu kinh doanh bất động sản	174.000.438.935	195.929.229.683
Cộng	208.153.525.787	669.811.288.008

6.1.2 Doanh thu với các bên liên quan

	Từ 01/10/2017 đến 31/12/2017	Từ 01/10/2016 đến 31/12/2016
	VND	VND
Công ty CP Tài nguyên và môi trường Trường Minh	-	11.228.418
Công ty CP Đầu tư Văn Phú - IPS	13.788.220	18.878.559
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Thương mại Văn Phú	-	1.083.020.258
Công ty CP Thời trang Gina Le	-	-
Công ty CP Tư vấn ĐT và PT kiến trúc I.D.E.A	-	21.120.522
Cộng	13.788.220	1.134.247.757

6.2 Giá vốn hàng bán

	Từ 01/10/2017 đến 31/12/2017	Từ 01/10/2016 đến 31/12/2016
	VND	VND
Giá vốn bán hàng	33.275.440.212	472.259.637.911
Giá vốn hoạt động xây lắp	482.169.649	-
Giá vốn cung cấp dịch vụ	(29.038.185)	9.028.328.158
Giá vốn kinh doanh bất động sản	86.237.378.584	127.732.242.662
Cộng	119.965.950.259	609.020.208.731

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/10/2017 đến 31/12/2017	Từ 01/10/2016 đến 31/12/2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3,576,051,077	18,984,336
Lãi bán các khoản đầu tư	71,679,478,860	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV/2017

	<u>75,255,529,937</u>	<u>18,984,336</u>
6.4 Chi phí tài chính		
	Từ 01/10/2017 đến 31/12/2017 VND	Từ 01/10/2016 đến 31/12/2016 VND
Lãi tiền vay	3,083,895,521	(3,414,453,059)
Cộng	3,083,895,521	(3,414,453,059)
6.5 Chi phí bán hàng		
6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp		
	Từ 01/10/2017 đến 31/12/2017 VND	Từ 01/10/2016 đến 31/12/2016 VND
Chi phí nhân viên quản lý	5.701.234.410	3.725.721.185
Chi phí vật liệu quản lý	11.983.502	30.977.184
Chi phí đồ dùng văn phòng	328.939.411	2.722.753.618
Chi phí khấu hao TSCĐ	456.086.469	1.250.581.848
Thuế, phí và lệ phí	18.156.602	1.347.732
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.940.999.525	420.825.567
Chi phí bằng tiền khác	5.676.542.304	7.960.225.295
Cộng	16.133.942.223	16.112.432.429
6.7 Thu nhập khác		
	Từ 01/10/2017 đến 31/12/2017 VND	Từ 01/10/2016 đến 31/12/2016 VND
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	81,818,182	292,905,544
Lãi do đánh giá lại tài sản	-	-
Tiền phạt thu được	-	369,848,137
Thuế được giảm	-	-
Các khoản khác	80,409,385,132	-
Cộng	80,491,203,314	662,753,681
6.8 Chi phí khác		
	Từ 01/10/2017 đến 31/12/2017 VND	Từ 01/10/2016 đến 31/12/2016 VND
Các khoản khác	17.498.114.407	209.000.000
Cộng	17.498.114.407	209.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV/2017

6.9 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Từ 01/10/2017 đến 31/12/2017	Từ 01/10/2016 đến 31/12/2016
	VND	VND
Công ty mẹ	41.412.939.601	5.896.916.890
Công ty CP Đầu tư Văn Phú số 2	15.000.000	-
Công ty CP đầu tư Văn Phú Land		(3.776.255.232)
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	41.427.939.601	2.120.661.658

6.10 Lãi trên cổ phiếu

6.10.1 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ 01/10/2017 đến 31/12/2017	Từ 01/10/2016 đến 31/12/2016
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	171.246.240.026	35.223.915.225
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận hoặc (Lỗ) phân bổ cho cổ đông phổ thông	171.246.240.026	35.223.915.225
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	98.011.375	26.220.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.747	1.343

6.10.2 Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Từ 01/10/2017 đến 31/12/2017	Từ 01/10/2016 đến 31/12/2016
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	171.246.240.026	35.223.915.225
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận hoặc (Lỗ) phân bổ cho cổ đông phổ thông	171.246.240.026	35.223.915.225
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	98.011.375	26.220.000
Cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.747	1.343

7. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

7.1.1 Thông tin về các bên liên quan

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV/2017

Bên liên quan

Công ty TNHH MTV Đầu tư Văn Phú Giảng Võ
Công ty CP Đầu tư Văn Phú số 1
Công ty CP Đầu tư Văn Phú số 2
Công ty CP Đầu tư Văn Phú số 3
Công ty CP Văn Phú Bắc Ái
Công ty CP ĐT BOT Hà Nội - Bắc Giang
Công ty CP In và Văn hóa phẩm
Công ty CP Tài nguyên và Môi trường Trường Minh
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Thương mại Văn Phú
Công ty cổ phần kinh doanh địa ốc Văn Phú
Công ty CP Đầu tư THG Holdings
Công ty CP Abey's Holdings
Công ty CP Đầu tư Văn Phú - IPS
Công ty CP Thời trang Gina Le
Công ty CP Đầu tư Văn Phú - House
Công ty CP SX và TM Tây Hà
(tên cũ Công ty CP Đầu tư Văn Phú - ITC)
Công ty CP Tư vấn ĐT và PT kiến trúc I.D.E.A
Công ty CP Đầu tư Văn Phú - Bắc Ái
Ông Tô Như Toàn
Ông Tô Như Thắng
Ông Vũ Thanh Tuấn
Bà Đào Thị Hồng Hạnh

Mối quan hệ

Công ty con
Công ty con
Công ty con
Công ty con
Công ty con
Công ty liên kết
Công ty liên kết
Công ty liên kết
Công ty liên kết
Công ty liên kết
Nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể
Ông Tô Như Toàn là Chủ tịch HĐQT đến
Ông Tô Như Toàn là Chủ tịch HĐQT
Ông Tô Như Toàn là Chủ tịch HĐQT
Ông Tô Như Toàn là thành viên HĐQT
Ông Tô Như Toàn là Chủ tịch HĐQT

Ông Tô Như Thắng là thành viên HĐQT
Ông Tô Như Toàn là Chủ tịch HĐQT
Chủ tịch HĐQT - Tổng Giám đốc
Thành viên HĐQT - Phó Tổng Giám đốc
Thành viên HĐQT
vợ Ông Tô Như Toàn

7.2 Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Bảng cân đối kế toán của Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ năm 2016 của Công ty CP Đầu tư Văn Phú - Invest đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - CN Phía Bắc.



Tô Như Toàn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 17 tháng 1 năm 2018

Đỗ Thị Thanh Phương
Kế toán trưởng

Trần Mỹ Yến
Người lập biểu